

Bản án số: 79/2026/HS-PT

Ngày: 30-3-2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thiện Tâm

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thanh Giang

Ông Trần Thanh Tòng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Út Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2026/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2026. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36A/2025/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Tây Ninh.

**Bị cáo bị kháng nghị:**

**Lương Thị Minh K**, sinh ngày 01/01/1988, tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); nơi cư trú: Ấp X, xã H, tỉnh Tây Ninh (nơi cư trú trước sáp nhập: Ấp X, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn S và bà Nguyễn Thị X (đã chết); chồng Bùi Văn T; con 02 người, sinh năm 2009 và sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/10/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, vụ án còn có 02 người bị hại và 07 người liên quan không có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2024, bị cáo Lương Thị Minh K cần tiền trả nợ, nhưng không có tiền, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo K

tìm người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt GCNQSDĐ) cho bị cáo đứng tên. Sau đó thông qua việc chuyển nhượng, đặt cọc để bị cáo chiếm đoạt tiền cọc, cụ thể:

Bị cáo K sử dụng điện thoại hiệu Redmi vào mạng xã hội Facebook tìm thông tin các thửa đất của người khác đăng bán công khai. Qua đó, bị cáo K biết được thông tin của thửa đất số 501, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.188,7m<sup>2</sup>, có địa chỉ tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh) do ông Trần Văn T1 đứng tên GCNQSDĐ. Sau đó, bị cáo K tìm kiếm trên mạng xã hội Facebook, có một tài khoản Facebook (không xác định được tên tài khoản) nhận làm GCNQSDĐ giả, bị cáo liên hệ đặt làm giả 01 GCNQSDĐ cho bị cáo đứng tên với thông tin thửa đất như trên với giá 15.000.000 đồng. Bị cáo K gửi thông tin cá nhân, Căn cước công dân và hình ảnh của GCNQSDĐ cần làm cho người nhận làm giả. Khoảng 03 ngày sau, bị cáo K nhận được GCNQSDĐ giả.

Ngày 27/4/2024, bị cáo K đến nhờ ông Nguyễn Văn P tìm người để cho bị cáo vay tiền và nhận thế chấp GCNQSDĐ. Ông P đưa bị cáo K đến gặp bà Phan Thị Cẩm V để vay tiền, nhưng bà V không cho bị cáo K vay, vì không quen biết với bị cáo K. Bà V chỉ cho ông P vay 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng và ông P đồng ý. Sau khi vay tiền của bà V, ông P đưa 100.000.000 đồng cho bị cáo Kiều mượn. Sau đó, bị cáo K có trả cho ông P 60.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng chưa trả. Đối với GCNQSDĐ giả mà trước đó bị cáo K đưa ông P giữ, ông P đã làm thất lạc không tìm lại được.

Sau đó, bị cáo K sử dụng hình ảnh GCNQSDĐ giả có thông tin như trên gửi qua Zalo cho ông Đào Chí N là người môi giới mua bán đất. Bị cáo K đưa ra thông tin cho ông N biết bị cáo K là chủ thửa đất trên, nhờ ông N bán một phần của thửa, ngang 15m, dài hết đất. Ngày 26/5/2024, ông N tìm được ông Nguyễn Tấn P1 đồng ý mua và báo cho bị cáo K biết. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo K cùng ông N và ông P1 hẹn gặp nhau tại quán cà phê Hàn Quốc, thuộc khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh). Tại đây, bị cáo K đưa ra thông tin với ông P1 về thửa đất nêu trên do bị cáo do K đứng tên GCNQSDĐ, ông P1 xem thông tin và đồng ý mua với giá 150.000.000 đồng. Hai bên thống nhất giao kết, tiền đặt cọc mua đất là 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 26/8/2024 sẽ làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông P1. Ông P1 lấy mẫu Hợp đồng đặt cọc ra viết, ông P1 ký bên mua và bị cáo K ký bên bán. Ông P1 giao tiền đặt cọc 50.000.000 đồng cho bị cáo Kiều nhận và bị cáo K trả cho ông N 4.000.000 đồng tiền môi giới, ông N chia lại cho ông P1 2.000.000 đồng.

Sau đó, bị cáo K tiếp tục nhờ ông N môi giới bán tiếp 15m đất ngang (liền kề với 15m đất mà bị cáo K đã nhận cọc bán cho ông P1 trước đó) với giá 300.000.000 đồng, ông N đồng ý. Chiều ngày 29/5/2024, người môi giới đất là ông Nguyễn Văn C điện thoại cho ông N biết là tìm được người mua là ông Lữ Lê Phúc T2, do ông Lữ Văn Ú và ông Lữ Lê Minh T3 giới thiệu. Ông N điện thoại báo cho bị cáo K biết đã có người mua đất và hai bên hẹn gặp nhau vào ngày 30/5/2024. Đến khoảng 09 giờ ngày 30/5/2024, bị cáo K được ông N đưa đến một

quán cà phê tại ấp A, xã B, huyện Đ (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh). Tại đây, để tạo lòng tin cho ông T2, bị cáo K đưa ông T2 xem Căn cước công dân và bản phô tô GCNQSDĐ giả do bị cáo đứng tên của thửa đất số 501 nêu trên. Sau khi xem xong, ông T2 thống nhất mua với giá 280.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận tiền cọc đưa trước cho bị cáo K là 150.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/8/2024 sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng một phần thửa đất trên cho ông T2. Sau đó, ông C lấy mẫu Hợp đồng đặt cọc ra viết, ông T2 ký bên mua và bị cáo K ký bên bán. Sau khi bị cáo Kiêu nhận đủ tiền cọc từ ông T2, bị cáo K trả tiền môi giới cho ông N và ông C mỗi người 3.000.000 đồng, còn ông Ú và ông T3 mỗi người 2.000.000 đồng.

Đến ngày 08/6/2024, ông P1 và ông T2 phát hiện bị cáo K không phải là chủ sử dụng của thửa đất nhận cọc chuyển nhượng, nên đã tố giác đối với bị cáo K.

Tại Bản kết luận giám định số 2357/KL-KTHS ngày 09/6/2025 của V1 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không đủ cơ sở kết luận 02 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 có phải được sao chụp từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thật hay không.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 Giấy hợp đồng đặt cọc mua bán đất giữa bị cáo K với ông P1 ghi ngày 26/5/2024; 01 Giấy hợp đồng đặt cọc mua bán đất giữa bị cáo K với ông T2 ghi ngày 30/5/2024; 03 tờ giấy in ảnh trắng đen có hình “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” có tên bị cáo K do ông P1 giao nộp; 02 tờ giấy in ảnh trắng đen có hình “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” có tên bị cáo K do ông T2 giao nộp; 05 tờ tài liệu in ảnh, thể hiện việc mua bán đất với bị cáo K do ông P1 giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S, màn hình cảm ứng, gắn sim số 0822306714 của bị cáo K.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36A/2025/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Tây Ninh, đã xét xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Thị Minh K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b và s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và Điều 54 Bộ luật Hình sự. Các Điều 299 và 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Thị Minh K 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 25/10/2024.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về: Thời hạn tiếp tục tạm giam, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 17/12/2025, Viện trưởng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSKV2 với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Lương Thị Minh K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của án sơ thẩm đã nêu, bị cáo không có ý kiến gì đối với kháng nghị phúc thẩm.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh kháng nghị đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lương Thị Minh K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, dẫn đến xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù là không nghiêm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Lương Thị Minh K, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo trình bày về hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng nghị: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/12/2025 Viện trưởng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSKV2. Xét Quyết định kháng nghị thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại các Điều 336 và 337 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ việc:

Thửa đất số 501, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.188,7m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh) do ông Trần Văn T1 đứng tên GCNQSDĐ. Tuy nhiên, bị cáo K sử dụng bản phôi GCNQSDĐ do bị cáo đứng tên thửa đất này và bị cáo xác định là chủ sử dụng đất thông qua người môi giới để tạo lòng tin, nhằm chiếm đoạt tiền đặt cọc của người nhận chuyển nhượng đất, cụ thể: Ngày 26-5-2024, tại quán cà phê Hàn Quốc ở khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) bị cáo K với ông P1 lập “Hợp đồng đặt cọc”, đề ông P1 giao số tiền 50.000.000 đồng cho bị cáo chiếm đoạt; ngày 30-5-2024, tại quán cà phê thuộc khu vực ấp A, xã B, huyện Đ (nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh) bị cáo K với ông T2 lập “Hợp đồng đặt cọc” đề ông T2 giao số tiền 150.000.0000 đồng cho bị cáo chiếm đoạt. Tổng số tiền 02 lần bị cáo K chiếm đoạt là 200.000.000 đồng.

Với hành vi chiếm đoạt tài sản như trên của bị cáo K là thể hiện sự gian dối ngay từ ban đầu đối với các người bị hại. Do đó, bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo.

[3] Về xem xét nội dung kháng nghị và quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét thấy, bị cáo đã 02 lần chiếm đoạt tài sản của 02 người bị hại, với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt tăng nặng đối với bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại khoản 2 và khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự không có quy định tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết định khung tăng nặng hình phạt. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, thì bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định cho rằng: “*Bị cáo K phạm tội 02 lần nhưng tổng số tiền chiếm đoạt của ông P1 và ông T2 là 200.000.000 đồng đã áp dụng là tình tiết định khung hình phạt nên không xem đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự*” là không có căn cứ để chấp nhận, nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” đối với bị cáo K được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho bị cáo theo quy định tại các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới.

[3.3] Về quyết định hình phạt đối với bị cáo: Xét, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng theo khoản 1 Điều 52 và có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51, nên không có đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, nên đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt

dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo, dẫn đến chỉ xử phạt bị cáo mức án 05 năm tù là quá nhẹ, không nghiêm. Vì vậy, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù là có căn cứ, nên ghi nhận xem xét.

[4] Từ những căn cứ và nhận định trên: Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Tây Ninh. Sửa một phần về hình phạt đối với bị cáo Lương Thị Minh K tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36A/2025/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Tây Ninh.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lương Thị Minh K không phải chịu án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Tây Ninh. Sửa một phần về hình phạt đối với bị cáo Lương Thị Minh K tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36A/2025/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Tây Ninh.

2. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lương Thị Minh K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Về hình phạt:

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Thị Minh K 07 (B) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 25/10/2024.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025. Tiếp tục tạm giam bị cáo Lương Thị Minh K 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 30/3/2026 để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lương Thị Minh K không phải chịu án phí.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh (01);
- TAND Khu vực 2 (02);
- VKSND Khu vực 2 (01);
- THADS tỉnh Tây Ninh (01);
- Công an tỉnh Tây Ninh (02);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thiện Tâm**